

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**  
**(THỰC HIỆN THEO KIẾN NGHỊ CỦA BÁO CÁO KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**  
**NGÀY 22/11/2018)**

---

Tháng 11 năm 2018



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 24

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 điều chỉnh theo kết quả kiểm toán căn cứ theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước phát hành kèm theo Công văn số 635/KTNN-TH ngày 22/11/2018.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Thành viên**

Ông Nguyễn Đức Chi	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Bà Đinh Thị Bích Diệp	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Hoàng Nguyên Học	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Quốc Huy**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 11 năm 2018



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>47.118.241.380.237</b>	<b>38.512.705.963.886</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>25.060.080.925</b>	<b>27.772.175.117</b>
1.	Tiền	111		25.060.080.925	27.772.175.117
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>43.125.032.809.982</b>	<b>36.334.275.314.736</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		43.669.409.726.421	36.684.959.545.248
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	129		(544.376.916.439)	(350.684.230.512)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.943.130.305.125</b>	<b>2.059.663.667.193</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		97.850.799	70.893.210
2.	Trả trước cho người bán	132		79.393.400	1.032.088.214
3.	Phải thu hoạt động đầu tư tài chính	134	<b>7</b>	1.851.869.410.300	424.595.126.324
4.	Phải thu về quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	135	<b>15</b>	2.083.786.671.731	1.630.362.905.281
5.	Các khoản phải thu khác	136	<b>8</b>	35.190.060.372	32.326.910.903
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(27.893.081.477)	(28.724.256.739)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>629.504.610</b>	<b>564.426.750</b>
1.	Hàng tồn kho	141		629.504.610	564.426.750
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.388.679.595</b>	<b>90.430.380.090</b>
1.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>14</b>	22.773.212.070	89.149.961.046
2.	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.615.467.525	1.280.419.044
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>13.787.394.162.596</b>	<b>27.398.373.561.858</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>171.099.563.699</b>	<b>173.148.584.587</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	20.557.900.494	23.359.825.854
-	Nguyên giá	222		49.538.064.433	48.694.349.938
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28.980.163.939)	(25.334.524.084)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	150.219.689.877	148.040.285.378
-	Nguyên giá	228		151.789.811.792	149.004.744.909
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.570.121.915)	(964.459.531)
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		321.973.328	1.748.473.355
<b>II.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>31.808.290.720</b>	<b>32.514.242.315</b>
1.	Nguyên giá	241		37.547.492.774	36.601.897.865
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(5.739.202.054)	(4.087.655.550)
<b>III.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>13.484.794.449.906</b>	<b>27.092.272.296.011</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		2.014.478.171.671	2.085.463.787.727
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.520.385.218.773	4.674.959.493.327
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		7.950.532.859.461	20.453.655.348.629
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(601.799.999)	(121.806.333.672)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>99.691.858.271</b>	<b>100.438.438.945</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	99.204.884.727	99.951.465.401
2.	Tài sản dài hạn khác	268		486.973.544	486.973.544
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>60.905.635.542.833</b>	<b>65.911.079.525.744</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330+340)	<b>300</b>		<b>21.518.560.349.910</b>	<b>27.927.722.149.042</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.309.929.478.398</b>	<b>562.517.045.552</b>
1.	Phải trả người bán	312		7.777.892.270	11.181.864.193
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	683.423.429.744	432.701.565.695
3.	Phải trả người lao động	315		55.539.628.264	43.841.531.934
4.	Chi phí phải trả	316		1.357.104.057	1.907.355.706
5.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.550.706.926	9.807.965.801
6.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		83.050.764.233	62.790.659.281
7.	Doanh thu chưa thực hiện	338		317.921.784	286.102.942
8.	Giao dịch mua bán lại Trái phiếu CP	324		1.471.912.031.120	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>152.697.399.522</b>	<b>105.816.589.423</b>
1.	Phải trả dài hạn khác	333		1.803.423.894	1.772.947.659
2.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	16	150.893.975.628	104.043.641.764
<b>III.</b>	<b>Các quỹ phải trả</b>	<b>340</b>		<b>19.055.933.471.990</b>	<b>27.259.388.514.067</b>
1.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	341	15	19.055.933.471.990	27.259.388.514.067
<b>B.</b>	<b>NGUỒN VỐN (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>39.387.075.192.923</b>	<b>37.983.357.376.702</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>39.387.075.192.923</b>	<b>37.983.357.376.702</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	21.905.833.096.513	21.885.913.096.157
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		17.451.786.200.322	15.543.215.956.445
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
4.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		29.455.896.088	554.228.324.100
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>				<b>60.905.635.542.833</b>	<b>65.911.079.525.744</b>

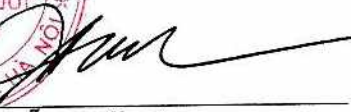
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
Ngoại tệ các loại			
- USD		750.815	771.895
- EUR		18.083	24.558
- GBP		6.747	6.747
- JPY		26.000	187.000
- HKD		14.500	67.500
- SGD		672	9.076

  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

  
Vũ Trí Thức  
Trưởng Ban Tài chính  
Kế toán



  
Nguyễn Quốc Huy  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1	Doanh thu hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	10	18	<b>7.437.053.475.083</b>	<b>10.620.587.859.738</b>
2	Chi phí hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	11	19	558.432.494.732	2.489.608.758.550
3.	<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.878.620.980.351</b>	<b>8.130.979.101.188</b>
4.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		38.054.907	57.378.727.915
5.	Chi phí tài chính	22		5.570.152	32.950.903
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	215.342.257.525	245.544.610.799
7.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn (30 = 20 + 21 - 22 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>6.663.311.207.581</b>	<b>7.942.780.267.401</b>
8.	Thu nhập khác	31		7.556.651.106	5.602.151.469
9.	Chi phí khác	32		6.001.553.438	4.642.660.886
10.	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.555.097.668</b>	<b>959.490.583</b>
11.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>6.664.866.305.249</b>	<b>7.943.739.757.984</b>
12.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	302.965.492.323	663.438.883.410
13.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>6.361.900.812.926</b>	<b>7.280.300.874.574</b>


Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 12 năm 2018


Vũ Trí Thức  
Trưởng Ban Tài chính  
Kế toán
  
Nguyễn Quốc Huy  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	01	2.179.120.980.774	5.344.250.499.463
2. Tiền chi trả cho các khoản đầu tư tài chính	02	(2.563.996.591.550)	(5.153.774.260.818)
3. Thu tiền lãi, lợi nhuận, cổ tức từ đầu tư	03	5.068.225.827.755	5.695.519.883.412
4. Tiền chi trả cho người lao động	05	(112.800.118.003)	(111.004.549.221)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	06	(236.697.875.263)	(935.925.129.621)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	07	2.033.547.143.178	1.286.933.241.095
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	08	(2.215.250.781.415)	(1.123.270.976.255)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.152.148.585.476</b>	<b>5.002.728.708.055</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác (trừ các khoản đầu tư)	21	(1.594.582.258)	(1.849.485.665)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác (trừ các khoản đầu tư)	22	210.000.000	38.343.636
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.384.582.258)</b>	<b>(1.811.142.029)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu thuần từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương	38	698.759	(2.676.747.174)
2. Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách nhà nước	39	(4.153.476.796.169)	(4.996.523.539.122)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.153.476.097.410)</b>	<b>(4.999.200.286.296)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.712.094.192)</b>	<b>1.717.279.730</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>27.772.175.117</b>	<b>26.054.895.387</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>25.060.080.925</b>	<b>27.772.175.117</b>

  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 11 năm 2018

  
Vũ Trí Thức  
Trưởng Ban Tài chính  
Kế toán

  
Nguyễn Quốc Huy  
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>21.108.464.498.007</b>	<b>13.381.616.535.731</b>	<b>384.051.836.710</b>	<b>0</b>	<b>34.874.132.870.448</b>
- Tăng vốn trong năm	873.353.967.145		170.176.487.390	0	1.043.530.454.535
- Giảm vốn trong năm	-95.905.368.995	0	0	0	-95.905.368.995
- Lợi nhuận trong năm				7.280.300.874.574	7.280.300.874.574
- Phân phối lợi nhuận		2.161.599.420.714	0	-2.235.247.447.825	-73.648.027.111
- Nộp ngân sách nhà nước		0	0	-5.045.053.426.749	-5.045.053.426.749
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>21.885.913.096.157</b>	<b>15.543.215.956.445</b>	<b>554.228.324.100</b>	<b>0</b>	<b>37.983.357.376.702</b>
- Tăng vốn trong năm	1.021.123.904.174		33.067.951.471	-	1.054.191.855.645
- Giảm vốn trong năm	(1.001.203.903.818)		(557.840.379.483)	-	(1.559.044.283.301)
- Lợi nhuận trong năm				6.361.900.812.926	6.361.900.812.926
- Phân phối lợi nhuận trong năm (i)		1.908.570.243.877		(1.957.961.988.333)	(49.391.744.456)
- Nộp Ngân sách nhà nước (ii)				(4.403.938.824.592)	(4.403.938.824.592)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>21.905.833.096.513</b>	<b>17.451.786.200.322</b>	<b>29.455.896.088</b>	<b>0</b>	<b>39.387.075.192.923</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

- (i) Tạm phân phối lợi nhuận và trích các quỹ theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Nghị định 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 151 và Quyết định số 3369/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.
- (ii) Nộp ngân sách nhà nước năm 2016 theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015, Thông tư số 219/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2015 "Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp" và Thông tư số 61/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2016 "Hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp".

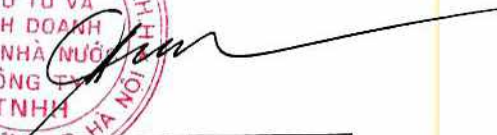


**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 11 năm 2018



**Vũ Trí Thức**  
Trưởng Ban Tài chính  
Kế toán



**Nguyễn Quốc Huy**  
Phó Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty") là doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, được Nhà nước đầu tư vốn điều lệ và giao quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển giao.

Ngày 30 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 992/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng công ty thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 151").

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 147").

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 148"). Nghị định 148 thay thế Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

Số cán bộ và nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 242 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 249 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2010 và các đăng ký thay đổi, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

**a) Ngành nghề kinh doanh chính:**

- *Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;*
- *Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;*
- *Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành.*

**b) Ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:**

- *Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của Pháp luật;*
- *Cung cấp các dịch vụ tư vấn: Đầu tư, tài chính; chuyển đổi, quản trị, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;*



- Các ngành, nghề khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Các hoạt động chính của Tổng công ty trong năm là tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, đầu tư kinh doanh vốn, quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

#### **Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ("Quỹ")**

Ngày 10 tháng 5 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để thay thế Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg quy định việc chuyển Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và giao cho Tổng công ty tổ chức giữ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thực hiện thu, chi theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

#### **Nguồn thu của Quỹ gồm:**

- Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nguồn thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;
- Các khoản thu sau cổ phần hóa;
- Thu từ lợi nhuận sau thuế và khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt; điều hòa Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Khoản lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

#### **Nội dung chi của Quỹ gồm:**

- Hỗ trợ các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ kinh phí cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con không đủ nguồn để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật;
- Bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật;
- Đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và cơ quan được giao thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước;
- Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.



Theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 11 năm 2017, Công văn số 13135/VPCP-KHTH ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 11718/BTC-TCDN ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp về Bộ Tài chính quản lý theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 45") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

### **Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp nhưng chưa áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thông tư 200 yêu cầu các Tổng công ty, Công ty có chế độ kế toán đặc thù đã được Bộ Tài chính ban hành Thông tư riêng hoặc chấp thuận phải căn cứ vào Thông tư này để hướng dẫn, bổ sung phù hợp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tổng công ty tiếp tục áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ vào chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 278/BTC-CĐKT ngày 07 tháng 01 năm 2016 về chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty.



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 45") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

##### **Phân loại các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư tài chính sẽ được phân loại là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nếu thời hạn nắm giữ còn lại của khoản đầu tư dưới 1 năm, là các khoản đầu tư tài chính dài hạn nếu thời hạn nắm giữ còn lại của khoản đầu tư từ 1 năm trở lên.

##### **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và các khoản đầu tư vào các công ty niêm yết hoặc chưa niêm yết và nằm trong kế hoạch thoái vốn của Tổng công ty trong tương lai gần.

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Quỹ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư khác có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản mục đầu tư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận trực tiếp vào Quỹ.

##### **Đầu tư vào các công ty con**

Các công ty con là các công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác***

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng công ty không có quyền kiểm soát cũng như không có ảnh hưởng đáng kể đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu và góp vốn vào các công ty mà Tổng công ty không có quyền kiểm soát cũng như không có ảnh hưởng đáng kể đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó. Cổ tức từ các khoản đầu tư hình thành từ Quỹ được ghi nhận tăng Quỹ khi Tổng công ty có quyền nhận cổ tức.

***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào các công ty thông qua hình thức mua cổ phần hoặc góp vốn được xác định theo giá gốc bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty thông qua hình thức nhận bàn giao theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền được ghi nhận ban đầu theo giá trị được nêu trong Biên bản chuyển giao quyền đại diện vốn chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp về Tổng công ty. Đối với các khoản đầu tư nhận bàn giao, sau ghi nhận ban đầu, nếu có thay đổi về giá trị đầu tư chuyển giao được xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh thay đổi tương ứng.

***Dừng ghi nhận***

Tổng công ty dừng ghi nhận các khoản đầu tư khi đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích từ các khoản đầu tư đó. Đối với các khoản đầu tư Tổng công ty đã nhận bàn giao sau đó được bàn giao lại cho các đơn vị khác theo quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng công ty ghi nhận giảm trừ giá trị đầu tư tương ứng với giảm vốn theo giá gốc được ghi trên sổ sách kế toán.

***Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư góp vốn được trích lập theo quy định tại Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn "Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" ("Thông tư 228"); Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Quyết định số 3369/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 3369").

Đối với các khoản đầu tư vào công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (bao gồm đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn) và các công ty đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, mức trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư được tính theo quy định hướng dẫn về trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư chứng khoán.

Đối với các khoản đầu tư vào các công ty khác mức trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư căn cứ theo chỉ tiêu vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty tại thời điểm trích lập dự phòng. Trong trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng Tổng công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp, Tổng công ty sẽ sử dụng báo cáo tài chính thu thập được tại thời điểm gần nhất liên kế với thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư sẽ được hoàn nhập ghi giảm chi phí khi số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư dự phòng đã trích.

Tổng công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính có nguồn hình thành từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định 3369.

#### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi từ hoạt động của Tổng công ty được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị quản lý	3
Phương tiện vận tải	5 - 6
Tài sản cố định khác	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba (03) năm.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tòa nhà văn phòng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 27 – 35 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### **Các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp**

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (“Quỹ”) thể hiện nguồn hiện có của Quỹ mà Tổng công ty quản lý theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 (“Quyết định 113”) và Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định 113. Nguồn của Quỹ hình thành từ các khoản thu về Quỹ trừ đi các khoản chi giảm quỹ theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nguồn của Quỹ được thể hiện dưới dạng tài sản bao gồm tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản công nợ phải thu và các khoản đầu tư dài hạn.



***Các khoản phải thu của Quỹ***

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm:

- Số tiền chưa thu được từ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Các khoản phải thu này được ghi nhận theo giá trị được nêu trong biên bản chuyển giao quyền đại diện vốn chủ sở hữu của nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp cho Tổng công ty và các khoản phải thu của Quỹ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp thông báo cho Tổng công ty về khoản phải thu này;
- Lợi nhuận hoặc cổ tức trước thời điểm bàn giao vốn cho Tổng công ty quản lý, được chia trên phần vốn nhà nước nhưng chưa nhận được;
- Lãi dự thu từ các khoản đầu tư vào tiền gửi hoặc các công cụ nợ khác;
- Các khoản tiền chưa thu được khác.

Tổng công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định 3369.

Theo quy định hiện hành, các khoản phải nộp về Quỹ sẽ bị tính lãi chậm nộp nếu quá hạn thanh toán. Tổng công ty tạm tính và thông báo lãi chậm nộp Quỹ cho các doanh nghiệp, Tổng công ty ghi nhận khoản lãi chậm nộp khi có đối chiếu xác nhận và chấp nhận thanh toán của doanh nghiệp về khoản lãi chậm nộp. Ban Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng chính sách này là phù hợp với nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

Theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 131/NQ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 Phiên họp chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2017 và Công văn số 11718/BTC-TCĐN ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty đã tiến hành tạm nộp số dư bằng tiền của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do Bộ Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước từ ngày 10 tháng 12 năm 2017.

***Quỹ phát triển khoa học và công nghệ***

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ dùng để thực hiện các nhiệm vụ về hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty, được trích hàng năm với tỉ lệ bằng 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm và được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Ghi nhận doanh thu***

***Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận cổ tức và lợi nhuận theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Đối với cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) và cổ phiếu thưởng (cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức), Tổng công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu nhận được trên sổ sách mà không ghi tăng khoản đầu tư và doanh thu từ hoạt động đồng đầu tư và kinh doanh vốn.

***Doanh thu từ bán các khoản đầu tư***

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó đã được chuyển giao cho người mua theo quy định của Quyết định 3369.



Doanh thu từ bán các khoản đầu tư nhận bàn giao được xác định theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Nghị định 147/2017/NĐ-CP là số tiền thu được từ bán các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, kể cả tiền đặt cọc không phải trả lại cho nhà đầu tư. Giá trị vốn gốc tiếp nhận của các khoản đầu tư được ghi nhận là chi phí từ bán các khoản đầu tư.

#### **Doanh thu từ lãi tiền gửi**

Doanh thu từ lãi tiền gửi phản ánh các khoản lãi phát sinh từ hoạt động đầu tư tiền gửi từ nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được hình thành từ nguồn sau:

- (i) Vốn Nhà nước cấp trực tiếp bằng tiền hoặc tài sản;
- (ii) Vốn tiếp nhận theo giá trị sổ kế toán từ các doanh nghiệp nhận chuyển giao theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định 147/2017/NĐ-CP;
- (iii) Vốn bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật;
- (iv) Các nguồn tài trợ không hoàn lại;
- (v) Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ Nhà nước.

#### **Trích lập các quỹ**

Tổng công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quyết định của Hội đồng Thành viên và theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, và Quyết định 3369:

- Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Tổng Công ty;
- Trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên Tổng Công ty;
- Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Tổng công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;
- Trích lập quỹ thưởng thành tích bán vốn bằng 10% chênh lệch giữa tổng tiền thu bán vốn tiếp nhận trong năm với giá được xác định lại theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, chi phí bán và thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 3 tháng lương thực hiện;



- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của Tổng công ty (đầu tư phát triển; khen thưởng, phúc lợi; thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; thưởng thành tích bán vốn) nộp về ngân sách nhà nước.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tổng công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.680.366.438	4.582.405.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.379.714.487	23.189.769.198
<b>Cộng</b>	<b>25.060.080.925</b>	<b>27.772.175.117</b>

Chi tiết khoản tiền theo nguồn như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty	7.829.002.067	10.501.562.160
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	17.231.078.858	17.270.612.957
<b>Cộng</b>	<b>25.060.080.925</b>	<b>27.772.175.117</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi tiết các khoản đầu tư theo nguồn tiền như sau:</b>		
Tổng công ty (i)	26.714.494.005.020	23.096.613.134.116
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	16.954.915.721.401	13.237.662.180.620
<b>Cộng</b>	<b>43.669.409.726.421</b>	<b>36.334.275.314.736</b>

Trong đó:

(i) Chi tiết khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng công ty theo loại hình như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	18.703.338.584.527	16.207.112.782.977
Đầu tư cổ phiếu:		-
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	3.349.162.420.906	3.764.367.835.016
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	4.532.963.325.628	3.433.384.315.947
Vốn góp tại Công ty TNHH	-	42.432.430.688
Khác	129.029.673.959	-
	<b>26.714.494.005.020</b>	<b>23.447.297.364.628</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(544.376.916.439)	(350.684.230.512)
<b>Cộng</b>	<b>26.170.117.088.581</b>	<b>23.096.613.134.116</b>

(ii) Chi tiết khoản đầu tư ngắn hạn của Quỹ HTSX & PTDN theo loại hình như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	4.580.702.432.192	13.237.510.206.620
Cổ phiếu niêm yết	1.483.302.474.000	-
Trái phiếu chính phủ	4.580.027.313.337	-
Đầu tư khác	6.310.883.501.872	151.974.000
<b>Cộng</b>	<b>16.954.915.721.401</b>	<b>13.237.662.180.620</b>

**7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.538.202.296.059	152.567.416.228
Phải thu bán, thoái các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lãi dự thu đầu tư tài chính	313.667.114.241	272.027.710.096
<b>Cộng</b>	<b>1.851.869.410.300</b>	<b>424.595.126.324</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp của SCIC	29.455.896.088	29.455.896.088
Phải thu khác	5.734.164.284	2.871.014.815
<b>Cộng</b>	<b>35.190.060.372</b>	<b>32.326.910.903</b>



**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 31/12/2016	25.465.144.924	11.548.113.496	10.521.257.868	1.159.833.650	48.694.349.938
Tăng trong kỳ	(162.376.853)	1.056.983.653	(550.590.910)	499.698.605	843.714.495
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>25.302.768.071</b>	<b>12.605.097.149</b>	<b>9.970.666.958</b>	<b>1.659.532.255</b>	<b>49.538.064.433</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 31/12/2016	8.331.318.042	9.499.162.121	7.186.144.390	317.899.531	25.334.524.084
Khấu hao trong kỳ	1.392.617.991	1.335.822.131	654.552.768	262.646.965	3.645.639.855
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>9.723.936.033</b>	<b>10.834.984.252</b>	<b>7.840.697.158</b>	<b>580.546.496</b>	<b>28.980.163.939</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 31/12/2017	15.578.832.038	1.770.112.897	2.129.969.800	1.078.985.759	20.557.900.494
Tại ngày 31/12/2016	17.133.826.882	2.048.951.375	3.335.113.478	841.934.119	23.359.825.854

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 16.468 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 14.124 triệu VND).

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 31/12/2016	147.780.991.877	1.223.753.032	149.004.744.909
Tăng trong kỳ	2.566.883	2.782.500.000	2.785.066.883
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>147.783.558.760</b>	<b>4.006.253.032</b>	<b>151.789.811.792</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 31/12/2016	-	964.459.531	964.459.531
Khấu hao trong kỳ	-	605.662.384	605.662.384
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>-</b>	<b>1.570.121.915</b>	<b>1.570.121.915</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 31/12/2017	147.783.558.760	2.436.131.117	150.219.689.877
Tại ngày 31/12/2016	147.780.991.877	259.293.501	148.040.285.378

**11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 31/12/2016	36.601.897.865
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>37.547.492.774</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 31/12/2016	4.087.655.550
Khấu hao trong kỳ	1.651.546.504
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>5.739.202.054</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 31/12/2017	<b>31.808.290.720</b>
Tại ngày 31/12/2016	<b>32.514.242.315</b>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn theo nguồn hình thành như sau:

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tổng công ty (i)	13.485.396.249.905	14.839.985.814.474
Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	0	12.374.092.815.209
	<b>13.485.396.249.905</b>	<b>27.214.078.629.683</b>
<b>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư</b>		
Tổng công ty (i)	(601.799.999)	(121.806.333.672)
<b>Cộng</b>	<b>13.484.794.449.906</b>	<b>27.092.272.296.011</b>

(i) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn của Tổng công ty theo loại hình đầu tư như sau:

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>Giá gốc của các khoản đầu tư bao gồm</b>		
Vốn góp tại công ty cổ phần đã niêm yết	5.791.363.218.773	5.675.325.173.327
Vốn góp tại công ty cổ phần chưa niêm yết và khác	1.644.033.031.132	3.114.660.641.147
Trái phiếu	6.050.000.000.000	6.050.000.000.000
	<b>13.485.396.249.905</b>	<b>14.839.985.814.474</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(601.799.999)	(121.806.333.672)
<b>Cộng</b>	<b>13.484.794.449.906</b>	<b>14.718.179.480.802</b>

(ii) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn của Quỹ HTSX & PTDN theo loại hình đầu tư như sau:

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Vốn góp tại công ty cổ phần đã niêm yết	-	1.483.182.000.000
Trái phiếu		4.580.027.313.337
Đầu tư dài hạn khác		6.310.883.501.872
<b>Cộng</b>	-	<b>12.374.092.815.209</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Trả trước tiền thuê văn phòng	98.801.616.534	97.200.162.996
Chi phí trả trước dài hạn khác	403.268.193	2.751.302.405
<b>Cộng</b>	<b>99.204.884.727</b>	<b>99.951.465.401</b>



**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số bù trừ	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>I. Phải nộp</b>	<b>432.592.433.779</b>	<b>4.716.392.795.414</b>	<b>4.399.294.182.389</b>	<b>66.267.617.060</b>	<b>683.423.429.744</b>
<b>1. Thuế</b>	<b>1.414.832.513</b>	<b>312.453.970.821</b>	<b>245.823.386.220</b>	<b>66.267.617.060</b>	<b>1.777.800.054</b>
1.1 Thuế giá trị gia tăng	147.977.029	70.294.671	132.131.410		86.140.290
1.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	302.965.492.323	236.697.875.263	66.267.617.060	0
1.3 Thuế thu nhập cá nhân	1.266.855.484	9.415.183.827	8.990.379.547		1.691.659.764
1.4 Thuế môn bài	0	3.000.000	3.000.000		0
<b>2 Các khoản phải nộp khác</b>	<b>431.177.601.266</b>	<b>4.403.938.824.593</b>	<b>4.153.470.796.169</b>	<b>0</b>	<b>681.645.629.690</b>
1. Lợi nhuận còn lại nộp NSNN	431.177.601.266	4.403.938.824.593	4.153.470.796.169	0	681.645.629.690
<b>II. Phải thu</b>	<b>89.040.829.130</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>66.267.617.060</b>	<b>22.773.212.070</b>
1. Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.040.829.130	0	0	66.267.617.060	22.773.212.070

**15. QUỸ HỖ TRỢ SẮP XẾP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ("QUỸ")**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền (xem thuyết minh số 5)	17.231.078.858	17.270.612.957
Đầu tư tài chính ngắn hạn (xem thuyết minh số 6)	16.954.915.721.401	13.237.662.180.620
Các khoản phải thu của Quỹ, trong đó:	2.083.786.671.731	1.630.362.905.281
<i>Các khoản phải thu Quỹ</i>	<i>1.900.482.050.488</i>	<i>1.419.957.149.161</i>
<i>Dự thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, khác</i>	<i>183.304.621.243</i>	<i>210.405.756.120</i>
Đầu tư tài chính dài hạn (xem thuyết minh số 12)	-	12.374.092.815.209
<b>Cộng</b>	<b>19.055.933.471.990</b>	<b>27.259.388.514.067</b>

**16. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	Năm nay
	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>6.664.866.305.249</b>
Lợi nhuận trước thuế chưa trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	6.711.716.639.113
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>(5.150.038.843.633)</b>
- Thu nhập không chịu thuế	(5.159.942.229.364)
- Chi phí không được khấu trừ	9.903.385.731
<b>Thu nhập tính thuế chưa trích quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ</b>	<b>1.561.677.795.480</b>
Tỷ lệ trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3%
<b>Số phải trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm nay</b>	<b>46.850.333.864</b>
Số đầu năm	104.043.641.764
Sử dụng trong năm	0
<b>Số cuối năm</b>	<b>150.893.975.628</b>

Theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về "Hướng dẫn nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp", Tổng công ty thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo tỉ lệ bằng 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm và được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ được duyệt của Tổng công ty theo quy định tại Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ là 50.000 tỷ VND. Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã góp vào Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 21.905.883 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 21.885.913 triệu VND).

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.159.942.229.364	4.630.042.500.294
Doanh thu bán các khoản đầu tư	931.735.656.220	4.824.961.222.490
Doanh thu lãi tiền gửi và lãi ĐT trái phiếu	1.335.557.882.367	1.156.340.000.661
Doanh thu khác	9.817.707.132	9.244.136.293
<b>Cộng</b>	<b>7.437.053.475.083</b>	<b>10.620.587.859.738</b>

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Giá gốc các khoản đầu tư đã bán	423.924.191.529	2.681.528.673.353
Chi phí nhân viên	13.348.297.621	50.038.436.382
Trích lập /(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	72.488.152.254	(260.701.415.884)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.276.058.234	14.265.535.372
Chi phí mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	35.205.221.120	-
Chi phí khác	5.190.573.974	4.477.529.327
<b>Cộng</b>	<b>558.432.494.732</b>	<b>2.489.608.758.550</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	93.196.946.776	60.104.958.654
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.188.656.929	2.060.867.767
Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý	4.769.474.714	4.969.221.194
Thuế, phí và lệ phí	110.288.286	125.689.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.986.000.021	49.395.822.520
Chi phí khác	68.459.936.923	130.286.109.408
- Trong đó: Trích quỹ Phát triển KH và CN	46.850.333.864	102.593.641.764
Trích lập /(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	630.953.876	(1.398.058.048)
<b>Cộng</b>	<b>215.342.257.525</b>	<b>245.544.610.799</b>



**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.664.866.305.249	7.943.739.757.984
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.159.942.229.364)	(4.630.042.500.294)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	9.903.385.731	3.497.159.362
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.514.827.461.616</b>	<b>3.317.194.417.052</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	302.965.492.323	663.438.883.410
<b>Tổng chi phí TNDN hiện hành</b>	<b>302.965.492.323</b>	<b>663.438.883.410</b>

**22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 11 năm 2017, Công văn số 13135/VPCP-KHTH ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 11718/BTC-TCĐN ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp về Bộ Tài chính quản lý.



Nguyễn Thị Phương Thảo  
Người lập biểu



Vũ Trí Thức  
Trưởng Ban Tài chính  
Kế toán




Nguyễn Quốc Huy  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2018